

ash (n)

/æʃ/

tro, tàn tro



ancestor (n)

/ˈænsestə(r)/

tổ tiên



cement (n)

/sɪˈment/

xi măng



costume (n)

/ˈkɔstju:m/

trang phục



custom (n)

/ˈkʌstəm/

phong tục



documentary (n)

/ˌdɔkjuˈmentri/

phim tài liệu

LIVEWORKSHEETS